Bài thực hành – 05 – Firebase

Mục tiêu:

- Thực hành thao tác với Firebase Database.
- Khởi tạo project ExpressJS để truy xuất dữ liệu từ Firebase Database.

Bài 1: (3 điểm)

- Tạo một project trên Firebase có tên là Product Management.
- Tạo một Firebase Realtime Database có cấu trúc object lưu trữ như sau:

```
{
    "products": {
        "objectID" : {
            "name": "Galaxy S 21",
            "price": "1000",
            "brand": "Samsung",
            "category": "mobile"
        }
    }
}
```

- Xây dựng API để thực hiện
 - O Hiển thị toàn bộ danh sách các object Product.
 - o Thêm mới một object vào Firebase Realtime Database.
 - O Cập nhật thông tin của một object.
- · Lưu ý:
 - o **objectID** sẽ là mã được phát sinh tự động từ Firease mỗi khi có object được lưu trữ vào.

Bài 2: (3 điểm)

- Tạo một project Firebase với tên Store Management.
- Tạo một Firebase Realtime Database có cấu trúc như sau:

```
{
    "categories": {
        "objectID" : {
            "name": "mobile"
        }
    },
    "brands": {
            "objectID": {
                 "name": "Apple"
        }
    }
}
```

- Xây dựng API để thực hiện các yêu cầu sau:
 - o Category:
 - Hiển thi toàn bô danh sách các object Categories.
 - Thêm mới một object Category vào Firebase Realtime Database.
 - Câp nhât thông tin của môt object Category.
 - Xóa một object Category với objectID được truyền vào.
 - Hiển thị thông tin của một object Category với objectID được truyền vào.
 - o Brand:
 - Hiển thị toàn bộ danh sách các object Brands.
 - Thêm mới một object Brand vào Firebase Realtime Database.
 - Câp nhât thông tin của một object Brand.
 - Xóa một object Brand với objectID được truyền vào.
 - Hiển thị thông tin của một object Brand với objectID được truyền vào.
- Lưu ý:
 - o **objectID** sẽ là mã được phát sinh tự động từ Firease mỗi khi có object được lưu trữ vào.

Bài 3: (4 điểm)

- Tạo một project Firebase với tên System Management.
- Tạo một Firebase Realtime Database có cấu trúc như sau:
 - Thực hiện các công việc đối với user thuộc role_group là user:
 - Liệt kê thông tin tất cả các sản phẩm.
 - Liệt kê thông tin của các sản phẩm theo Brand với Brand Name được truyền vào.
 - Liệt kê thông tin của các sản phẩm theo Category với Category Name được truyền vào.
 - Hiển thị thông tin chi tiết của một Product với objectID được truyền vào.
 - Thực hiện các công việc đối với user thuộc role group là staff:
 - Thêm Brand mới.
 - Thêm Category mới.
 - Thêm môt Product mới.
 - Cập nhật tên của một Brand.
 - Cập nhật tên của một Category.
 - Cập nhật thông tin của một Product.
 - Xóa môt Brand.
 - Xóa một Category.
 - Xóa môt Product.
 - Thực hiện các công việc đối với user thuộc role group là Admin:
 - Thay đổi role cho một user.
 - Cập nhật thông tin của user.
 - Thêm môt user mới.
 - Xóa môt user.
 - Liêt kê danh sách tất cả các user.
 - Hiển thị thông tin của một user với objectID truyền vào.
- Luu ý:
 - Các request được truyền về bắt buộc phải tuyền theo username và password.
 - Cần phải xây dựng một middleware để kiểm tra quyền của các request để xem có thuộc role để thực hiện các chức năng quy định theo role hay không?
 - Nếu thỏa thì next sáng route xử lý chính.
 - Nếu không thỏa thì trả về lỗi 403 Access Dinied.
 - o **objectID** sẽ là mã được phát sinh tự động từ Firease mỗi khi có object được lưu trữ vào.

```
"categories": {
  "objectID" : {
    "name": "mobile"
"brands": {
  "objectID": {
    "name": "Apple"
"products": {
    "objectID" : {
      "name": "Galaxy S 21",
      "price": "1000",
      "brand": "brand_objectID",
      "category": "category_objectID"
"role_group": {
  "users": {
    "objectID": {
        "username": "user_01",
        "password": "123456",
        "full_name": "Peter"
 },
  "staff": {
    "users": {
      "objectID": {
        "username": "user_05",
        "password": "999888",
        "full_name": "Julie"
  'admin": {
    "users": {
      "objectID": {
        "username": "admin_06",
        "password": "456789",
        "full_name": "Boss"
```